

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số **5084**/UBND-TH

Đắk Lắk, ngày **30** tháng 6 năm 2016

V/v góp ý một số nội dung chuẩn bị cho Phiên 5 đàm phán Hiệp định CLV DTA.

Kính gửi:

- Các Sở: Công Thương, Tài chính, Giao thông - Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại vụ;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh;
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh tỉnh.

Thực hiện Công văn số 292/BCT-KV1, ngày 23/6/2016 của Bộ Công Thương về việc xin ý kiến đối với một số nội dung chuẩn bị cho Phiên 5 đàm phán Hiệp định CLV DTA (photo kèm), UBND tỉnh chỉ đạo như sau:

Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, cho ý kiến góp ý đối với các nội dung do Bộ Công Thương đề nghị tại Công văn trên.

Nhận được Công văn này, yêu cầu Sở Công Thương khẩn trương triển khai, thực hiện; các đơn vị nêu trên chủ động gửi góp ý về Sở Công Thương trước ngày **12/7/2016** để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trước **15/7/2016**.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh (ĐVC An);
- Lưu: VT, TH (nk_20b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thị Thu An

Số: 292 /BCT-KV1

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2016

V/v xin ý kiến đối với một số
nội dung chuẩn bị cho phiên 5
đàm phán Hiệp định CLV DTA



Kính gửi:

- Các Bộ: Tài chính (Vụ Chính sách thuế, Tổng cục Hải quan), Giao thông vận tải (Vụ Hợp tác quốc tế), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Hợp tác quốc tế), Kế hoạch và Đầu tư (Vụ Kinh tế đối ngoại); Quốc phòng (Cục Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư lệnh Biên phòng);
- Ngân hàng nhà nước (Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Quản lý ngoại hối);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước.
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc đàm phán, xây dựng Hiệp định xúc tiến và tạo thuận lợi thương mại trong khu vực Tam giác phát triển (*Hiệp định CLV DTA*), Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ, ngành và Cơ quan liên quan chủ trì tổ chức phiên đàm phán thứ 4 tại Đắk Lắk từ 18-20 tháng 4 năm 2016. Ngoài những nội dung đã được các Bên thảo luận và thống nhất, một số nội dung của Hiệp định sẽ được tiến hành tham vấn nội bộ và tiếp tục trao đổi trong phiên 5.

Để chuẩn bị cho Phiên đàm phán thứ 5 Hiệp định CLV DTA tại Campuchia (*dự kiến vào tháng 8/2016*), Bộ Công Thương đề nghị quý Cơ quan, trong phạm vi phụ trách, cho ý kiến về các nội dung sau:

1. Khoản 4.3, Điều 4 mới về “Chính sách thương mại” liên quan đến vấn đề thuế và phí cho hàng hóa tham gia hội chợ, triển lãm trong khu vực Tam giác phát triển: các Bên tiếp tục trao đổi nội dung đã bàn ở phiên 3; đưa ra cơ chế mới không áp thuế Giá trị gia tăng (*VAT*) đối với hàng hóa có xuất xứ từ 3 nước và thuộc danh mục hàng hóa có thuế suất thuế nhập khẩu 0% trong ATIGA, tham gia hội chợ, triển lãm trong Khu vực Tam giác phát triển. Tuy nhiên, để tránh hiện tượng lợi dụng cơ chế để gian lận thương mại, tại phiên 4; các bên cần nhắc cần đưa ra một số điều kiện loại trừ đối với các hàng hóa đặc biệt và đề nghị Việt Nam dự thảo, các nước xem xét, cho ý kiến.

Cả 3 Bên thống nhất sẽ tham vấn nội bộ và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định vấn đề này.

Cơ sở để xây dựng nội dung điều khoản này:

- Trên thực tế, trong Hiệp định Thương mại biên giới giữa Việt Nam và Lào được ký kết ngày 27/6/2015 và đã được phê duyệt ngày 12/10/2015, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép một danh mục 28 mặt hàng (gồm các cây trồng, vật nuôi, hàng nông sản chưa qua chế biến được sản xuất bởi cư dân và hộ gia đình tại các tỉnh biên giới của Lào theo dự án đầu tư của Việt Nam) không thuộc đối tượng chịu thuế nhập khẩu và thuế VAT. Tuy nhiên, với Campuchia, hiện tại trong các Hiệp định và thỏa thuận chưa có cơ chế này.

- Ngoài ra, thực tế việc tổ chức hội chợ quốc tế, mặc dù đều có những quy định liên quan đến thu thuế (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng...), phí...nhưng nước chủ nhà thường không thu thuế và phí cho hàng hóa tham dự hội chợ được bán và phát với mục đích quảng bá và giới thiệu sản phẩm. Chính vì vậy, để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho việc thu hút các doanh nghiệp của 3 nước tham gia vào các hội chợ được tổ chức tại khu vực CLV DTA, các nước thống nhất đưa ra cơ chế nói trên.

- Căn cứ số liệu báo cáo của các tỉnh thuộc khu vực Tam giác phát triển phía Việt Nam (Đề nghị xem phụ lục gửi kèm).

Bộ Công Thương dự thảo lời văn để xin ý kiến quý Cơ quan như sau:

"Hàng hóa có xuất xứ từ Campuchia, Lào và Việt Nam tạm nhập khẩu để tham dự hội chợ, triển lãm thương mại trong khu vực Tam giác phát triển CLV DTA, được miễn thuế Giá trị gia tăng (VAT) khi đáp ứng các điều kiện sau: (i) thuộc danh mục hàng hóa có mức thuế suất thuế nhập khẩu 0% ưu đãi đặc biệt tại biểu thuế ATIGA; (ii) không thuộc danh mục hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của mỗi nước; (iii) không thuộc danh mục hàng hóa chịu quản lý hạn ngạch theo quy định quản lý của mỗi nước; (iv) không thuộc danh mục hàng cấm, hàng tạm ngừng nhập khẩu của mỗi nước.

Hàng hóa còn lại sau hội chợ, triển lãm khi bán, tặng, cho phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định hiện hành của mỗi nước, nơi tổ chức hội chợ."

Giải thích nội dung dự thảo điều khoản:

- Về cơ bản mục đích của điều khoản này là để khuyến khích doanh nghiệp các nước tích cực tham gia hoạt động hội chợ triển lãm tại bên còn lại, làm cho hoạt động thương mại trong khu vực sôi động hơn thông qua việc đưa cơ chế không chịu thuế VAT đối với các hàng hóa thông thường đã về 0% theo Hiệp định ATIGA.

- Để tránh các hiện tượng gian lận thương mại, điều khoản này cũng đặt ra các điều kiện để loại trừ các mặt hàng đặc biệt như hàng chịu quản lý hạn ngạch (*4 mặt hàng*), hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (*10 mặt hàng*), các mặt hàng cấm, hàng tạm dừng nhập khẩu của mỗi nước.

- Không đưa điều kiện về hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa kinh doanh có điều kiện (*như đã trao đổi tại cuộc họp ngày 18/5/2016 với Bộ Tài chính*) vì qua rà soát, hiện nay ta không còn danh mục kinh doanh có điều kiện đầy đủ (*theo Nghị định số 59/2006/NĐ-CP*) do Luật đầu tư 2014 quy định 267 ngành nghề kinh doanh có điều kiện không phải là hàng hóa, dịch vụ (*trong mỗi ngành nghề có thể có nhiều hàng hóa, dịch vụ khác nhau*). Do đó, nếu đưa thêm điều kiện này là rất rủi ro, không minh bạch, rõ ràng và khó khả thi.

2. Khoản 8.2, Điều 8 mới về Thanh toán: Đối với việc chuyển tiền mặt qua biên giới, tại Phiên đàm phán 3, phía Cam-pu-chia đã đưa ra đề xuất đối với Khoản này, trong đó đề nghị: "*cho phép cá nhân có quyền mang tiền mặt dưới 10.000 USD qua biên giới không phải khai báo; trường hợp vượt quá 10.000 USD phải khai báo tại cửa khẩu làm thủ tục hải quan*". Tại phiên 3, Phía Lào mặc dù không phản đối đề xuất của Cam-pu-chia về số lượng tiền cho phép cá nhân mang qua biên giới (*theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào, mức tiền được phép mang qua biên giới không phải khai báo tương đương 100.000.000 Kip (khoảng 12.000USD thời điểm hiện tại)*), nhưng thống nhất với Việt Nam về việc cần phải tuân thủ theo đúng chính sách tiền tệ và quản lý ngoại hối của mỗi Bên liên quan đến nội dung này.

Liên quan đến Khoản này, xét tới tính chất nhạy cảm về chính trị cũng như kinh tế của việc chuyển tiền mặt qua biên giới, phía Việt Nam đã đề xuất tách Khoản 8.2 ra thành một điều riêng (*Điều 9 mới trong bản dự thảo lần 4: Chuyển tiền qua biên giới*) đồng thời đề xuất về lời văn của Khoản 9 theo hướng áp dụng các quy định của mỗi Bên theo từng thời kỳ. Để đảm bảo sự rõ ràng, minh bạch và dễ áp dụng, ta đề xuất xây dựng **01 phụ lục**, trong đó liệt kê và trích dẫn các quy định pháp lý hiện hành liên quan đến hoạt động mang tiền qua biên giới của các Bên theo từng nhóm đối tượng và phạm vi cửa khẩu.

Đối với đề xuất về Khoản mới này, phía Việt Nam nhận được sự ủng hộ của phía Lào. Phía Cam-pu-chia ghi nhận sự hợp lý trong đề xuất của ta do các quy định hiện hành của ta, tuy nhiên do yêu cầu từ cấp cao của bạn, nên phía Campuchia bày tỏ mong muốn được giữ nguyên đề xuất cũ (*option 2*) và cần tham vấn nội bộ về đề xuất mới của Việt Nam (*option 1*).

Sau khi chia sẻ quan điểm về sự khác biệt trong quy định hiện hành về quản lý hoạt động mang tiền qua biên giới của mỗi nước, các Bên nhất trí sẽ

cùng xem xét lại quy định hiện hành của từng nước cũng như đề xuất của các bên nhằm có thể đạt được sự đồng thuận trong phiên 5 đàm phán tại Campuchia.

Bộ Công Thương đề nghị quý Cơ quan cho ý kiến về dự thảo lời văn của khoản này trong Hiệp định và cách thức xây dựng nội dung của Phụ lục về các quy định của từng nước có liên quan tới số lượng tiền mặt qua biên giới (dự thảo sơ bộ của Phụ lục được gửi kèm) sẽ đưa vào.

3. Đối với nội dung Chương V về Tổ chức thể chế và Giải quyết tranh chấp: Đây là nội dung do Việt Nam đề xuất ra, Lào và Campuchia tiếp tục nghiên cứu và sẽ cho ý kiến trong phiên 5.

Bộ Công Thương đề nghị quý Cơ quan cho ý kiến, giúp chỉnh sửa và hoàn thiện lời văn của Chương này.

Công văn trả lời của quý Cơ quan xin gửi về Bộ Công Thương (Vụ Thị trường Châu Á – Thái Bình Dương, Chị Mai Anh - email: anhltm@moit.gov.vn; ĐT: 04.22205425) trước ngày 04 tháng 7 năm 2016 (đối với các địa phương đề nghị gửi trước ngày 20 tháng 07 năm 2016) để tổng hợp, chuẩn bị cho Phiên đàm phán thứ 5.

Bộ Công Thương trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Cẩm Tú (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KV1.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TT CHÂU Á – TBD
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Đỗ Quốc Hưng

GIẢI TRÌNH LỢI ÍCH THU ĐƯỢC KHI ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH HÀNG HÓA (ĐÃ VỀ 0% THEO ATIGA VÀ KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT) THAM GIA HỘI CHỢ TRIỂN LÃM TẠI KHU VỰC TAM GIÁC PHÁT TRIỂN KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ VAT

(Gửi kèm theo Công văn số 292 /BCT-KV1 ngày 23 tháng 6 năm 2016 của Bộ Công Thương)

Hội chợ tổ chức tại Việt Nam	Kon Tum	Gia Lai	Đắc Lắc	Đắc Nông	Bình Phước
Số lượng hội chợ hàng năm trong tình bình quân/ năm	10	20	10	10	10
Số lượng gian hàng bình quân mỗi Hội chợ trong tỉnh	80-150	80	100	50-70	50-70
Doanh thu bình quân mỗi Hội chợ	1 tỷ VNĐ	3 tỷ VNĐ	4 tỷ VNĐ	1,5 tỷ VNĐ	2,5 tỷ VNĐ
Số doanh nghiệp Lào và Campuchia tham gia các Hội chợ này tại Việt Nam	0	0	0	0	0
Số thuế không thu được nếu khấu trừ thuế VAT cho hàng hóa của Lào và Campuchia (đã về 0% theo VAT) tham dự hội chợ	0 VNĐ	0 VNĐ	0 VNĐ	0 VNĐ	0 VNĐ
Tổng số thuế không thu được nếu khấu trừ VAT cho hàng hóa (đã về 0% theo ATIGA) tham dự hội chợ	0 VNĐ	0 VNĐ	0 VNĐ	0 VNĐ	0 tỷ VNĐ

Hội chợ tổ chức tại phía Campuchia và Lào	Kon Tum	Gia Lai	Đắc Lắc	Đắc Nông	Bình Phước
Số lượng hội chợ tại Lào và Campuchia mà phía Việt Nam	03	04	03	04	03

tham gia					
Số lượng gian hàng Việt Nam tại mỗi Hội chợ tổ chức tại phía bạn	04	05	03	03	05
Số thuế VAT không phải trả tại mỗi Hội chợ	60 triệu VNĐ	75 triệu VNĐ	45 triệu VNĐ	45 triệu VNĐ	75 triệu VNĐ
Tổng số tiền doanh nghiệp VN được lợi do không phải nộp VAT tại mỗi nước	180 triệu VNĐ	300 triệu VNĐ	135 triệu VNĐ	170 triệu VNĐ	225 triệu VNĐ

GIẢI TRÌNH

1. Thực tế việc tổ chức hội chợ triển lãm tại khu vực Tam giác phát triển đã và đang diễn ra:

- Mặc dù đều có những quy định liên quan đến thu thuế (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng...), phí...nhưng nước chủ nhà thường không thu thuế và phí cho hàng hóa tham dự hội chợ được bán và phát với mục đích quảng bá và giới thiệu sản phẩm.

- Do đặc điểm đi lại khó khăn, chi phí vận chuyển cao, lợi ích thu về từ việc tham dự hội chợ triển lãm tại khu vực này không nhiều, các doanh nghiệp không mặn mà tham gia hội chợ, đặc biệt là các doanh nghiệp có quy mô. Để tổ chức được các hội chợ tại đây, địa phương phải bỏ thêm nhiều chi phí khác nhau để giàn dựng gian hàng, mời và khuyến khích doanh nghiệp tham gia. Đối với các doanh nghiệp phía Lào và Campuchia, thậm chí phải chi cả một phần chi phí về ăn ở, miễn phí gian hàng để mời họ sang tham dự hội chợ triển lãm tại phía Việt Nam nhưng họ vẫn không sang do vấn đề đi lại khó khăn, chi phí cao.

- Tại khu vực này, các doanh nghiệp hầu hết là các doanh nghiệp quy mô nhỏ và chủ yếu là các doanh nghiệp phía Việt Nam. Phía Lào và Campuchia là các tỉnh nghèo, rất ít hoặc không có doanh nghiệp hoạt động, nhất là qua biên giới sang Việt Nam thực hiện các hoạt động kinh doanh, tham dự hội chợ triển lãm dù được khuyến khích với nhiều ưu đãi từ phía ta. Do đó, cam kết về việc không thu thuế VAT đối với hàng hóa bán trong thời gian hội chợ, triển lãm, thực tế là có lợi cho phía Việt Nam.

- Chính quyền địa phương các tỉnh thuộc khu vực Tam giác phát triển hoàn toàn nhất trí với đề xuất hàng hóa (đã về 0% theo ATIGA) khi tham dự hội chợ triển lãm tại khu vực Tam giác phát triển sẽ không thuộc đối tượng chịu thuế VAT với mong muốn tạo điều kiện cho hoạt động thương mại tại khu vực này và thu hút được thêm các doanh nghiệp quan tâm.

2. Bộ Công Thương đã tổng hợp số liệu thống kê về các hội chợ triển lãm từ nguồn số liệu do Sở Công Thương các địa phương cung cấp. Sơ bộ con số thống kê như bảng phía trên. Trên cơ sở con số thống kê đó, Bộ Công Thương đánh giá sơ bộ như sau:

Lợi ích thu được:

a. Mỗi gian hàng của doanh nghiệp trung bình sẽ giảm được 3-5 triệu do được áp dụng chính sách hàng hóa tham dự hội chợ triển lãm tại khu vực Tam giác phát triển không thuộc đối tượng chịu thuế VAT.

b. Chi phí vận chuyển trung bình trong khu vực Tam giác phát triển: 3-5 triệu VNĐ. Như vậy các doanh nghiệp sẽ bù đắp được chi phí vận chuyển. Do đó khuyến khích doanh nghiệp tham dự các Hội chợ triển lãm tại khu vực khó khăn này.

c. Số lượng doanh nghiệp đăng ký tham gia mỗi Hội chợ tăng thêm khi có chính sách này: 10 – 15 doanh nghiệp

- Giá sử trung bình 01 doanh nghiệp tham dự Hội chợ sẽ phát sinh: 01 hợp đồng kinh doanh.

- Trị giá mỗi hợp đồng kinh doanh: 100 triệu đồng

- Số hợp đồng phát sinh thêm tại mỗi Hội chợ: 10-15 hợp đồng

- Tổng giá trị phát sinh tại mỗi hội chợ: 1 – 1,5 tỷ VNĐ

- Tổng giá trị kinh doanh tăng thêm cho cả khu vực mỗi năm (khoảng 20 Hội chợ quốc tế): 20 – 30 tỷ VNĐ

d. Đối với các Hội chợ mà các doanh nghiệp Việt Nam tham gia tại phía Lào và Campuchia, nếu chính sách này được áp dụng, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ được lợi trên dưới 200 triệu VNĐ mỗi hội chợ (xem bảng trên), trung bình khoảng 15 triệu/gian hàng. Do đó, cũng sẽ thu hút nhiều doanh nghiệp VN quan tâm và tham dự các hội chợ phía Lào và Campuchia tổ chức.

Kết quả:

- Tổng thuế VAT không thu được nếu áp dụng chính sách hàng hóa tham gia Hội chợ tại khu vực Tam giác phát triển không thuộc đối tượng chịu thuế VAT: 15 tỷ VNĐ. Các doanh nghiệp Việt Nam được lợi do không phải trả chi phí này cho phía Lào và Campuchia.
- Tổng giá trị kinh doanh sinh ra thêm: 20-30 tỷ VNĐ
- Hoạt động kinh doanh, thương mại sôi động hơn (thêm 10-15 doanh nghiệp mỗi hội chợ).

KẾT LUẬN:

Việc áp dụng chính sách hàng hóa (đã về 0% theo ATIGA) tạm nhập để tham gia hội chợ triển lãm tại khu vực Tam giác phát triển không thuộc đối tượng chịu thuế VAT là cần thiết để thúc đẩy hoạt động thương mại, làm phong phú nguồn hàng hóa, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân, khuyến khích các doanh nghiệp đưa hàng hóa vào khu vực Tam giác phát triển, là vùng khó khăn, đi lại vất vả, chi phí vận chuyển cao.

HIỆP ĐỊNH

XÚC TIẾN VÀ TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI TRONG KHU VỰC TAM GIÁC PHÁT TRIỂN CLV

Chính phủ Hoàng gia Campuchia, Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Bên" và "các Bên");

Mong muốn tăng cường trao đổi thương mại, phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (sau đây gọi là CLV DTA);

Ghi nhận rằng việc phát triển kinh tế, thương mại trong CLV DTA là một trong những chiến lược quan trọng thúc đẩy quan hệ thương mại nói chung và quan hệ hữu nghị giữa chính phủ và nhân dân Ba nước trên nguyên tắc hợp tác, hữu nghị, bình đẳng cùng có lợi, đã thoả thuận như sau:

CHƯƠNG 1: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Mục tiêu

Mục tiêu của Hiệp định này là:

1. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại trong CLV DTA;
2. Tạo môi trường kinh doanh thân thiện cho CLV DTA.
3. Tạo thuận lợi cho thương mại và di chuyển thông suốt của người và phương tiện giữa các Bên.
4. Tạo điều kiện thuận lợi cho sự lưu chuyển của thương mại và đầu tư

Điều 2: Phạm vi áp dụng

Hiệp định này sẽ áp dụng cho:

1. Khuyến khích các hoạt động xúc tiến thương mại trong CLV DTA;
2. Tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại trong CLV DTA thông qua các cửa khẩu đã được các Bên thống nhất như trong Phụ lục 1.

Điều 3: Định nghĩa

Trong Hiệp định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. CLV DTA là khu vực Tam giác phát triển bao gồm 4 tỉnh của Campuchia (Stung Treng, Rattanak Kiri, Mondul Kiri, Kratie), 4 tỉnh của Lào (Sekong, Appateu, Saravan, Champasak) và 5 tỉnh của Việt Nam (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước).

2. Đối xử đặc biệt là [các cơ chế, thủ tục đơn giản và thuận lợi cho sự lưu chuyển hàng hóa qua biên giới của 13 tỉnh và sự xúc tiến thương mại giữa các tỉnh này, bao gồm cả miễn thuế hải quan cho các công ty tham gia vào các hội chợ thương mại được tổ chức tại các tỉnh]. [các cơ chế, thủ tục thuận lợi mà các Bên đưa ra cho Bên kia nhằm tạo thuận lợi và xúc tiến hơn nữa cả về thương mại và đầu tư trong CLV DTA]
- 3: Hoạt động xúc tiến thương mại bao gồm tổ chức các hội chợ, triển lãm, đoàn giao thương, khảo sát, nghiên cứu thị trường.
4. Cơ quan có thẩm quyền là các cơ quan của Chính phủ mỗi Bên chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động xúc tiến thương mại và các hoạt động tạo thuận lợi thương mại tại CLV DTA.

CHƯƠNG II

XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

Điều 4: Chính sách xúc tiến thương mại

1. Các Bên dành ưu tiên về kinh phí cũng như nguồn lực để tổ chức, phối hợp tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại trong CLV DTA;
2. Cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên tạo thuận lợi về thủ tục tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại và đưa hàng hoá tham gia hội chợ triển lãm. Các Bên khuyến khích các doanh nghiệp của mỗi Bên tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong CLV DTA.

^{VN đề xuất} 3. Hàng hóa có xuất xứ từ Campuchia, Lào và Việt Nam tạm nhập khẩu để tham dự hội chợ, triển lãm trong khu vực Tam giác phát triển CLV DTA sẽ không thuộc đối tượng chịu thuế Giá trị gia tăng (VAT) nếu đáp ứng các điều kiện sau: (i) thuộc danh mục hàng hóa có mức thuế suất thuế nhập khẩu 0% ưu đãi đặc biệt tại biểu thuế ATIGA; (ii) không thuộc danh mục hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của mỗi nước; (iii) không thuộc danh mục hàng hóa chịu quản lý hạn ngạch theo quy định quản lý của mỗi nước; và (iv) không thuộc danh mục hàng hóa kinh doanh có điều kiện theo quy định quản lý của mỗi nước.

Hàng hóa còn lại sau hội chợ, triển lãm khi bán, tặng, cho phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định hiện hành của mỗi nước.]

4. Các Bên Ký kết khuyến khích các doanh nghiệp của mỗi Bên tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong CLV DTA.

Điều 5: Hội chợ, triển lãm thương mại

1. Các Bên nhất trí tổ chức định kỳ mỗi năm ít nhất 01 hội chợ, triển lãm thương mại quốc tế trong CLV DTA, gọi là Hội chợ CLV DTA.

Hội chợ CLV DTA sẽ được tổ chức luân phiên tại mỗi Bên.

2. Cơ chế phối hợp và kinh phí tổ chức:

Các Bên cùng phối hợp, đồng tổ chức hội chợ hoặc các hoạt động xúc tiến thương mại khác. Các Bên nhất trí rằng việc huy động kinh phí cho việc xúc tiến thương mại từ các nhà tài trợ nên được tính đến.

3. Đầu mối cho việc tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại quốc tế hàng năm trong khu vực CLV DTA là Bộ Thương mại Campuchia, Bộ Công Thương Lào, và Bộ Công Thương Việt Nam

4. Các Bên nhất trí ủng hộ và tạo điều kiện thuận lợi cho các tỉnh trong CLV DTA để tổ chức các hội chợ và triển lãm quốc tế tại khu vực CLV DTA.

Điều 6: Đoàn khảo sát, nghiên cứu thị trường và giao thương

Các Bên khuyến khích các hoạt động tổ chức đoàn khảo sát, nghiên cứu thị trường và giao thương nhằm thúc đẩy trao đổi thương mại trong CLV DTA giữa các Bên.

CHƯƠNG III

TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI

Điều 7: Thương mại hàng hóa

1. Các Bên ký kết nhất trí thúc đẩy các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa theo pháp luật, quy định hiện hành của mỗi nước và thông lệ quốc tế.

2. Các Bên ký kết nhất trí sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc cấp giấy phép xuất nhập khẩu, phù hợp với quy định của mỗi nước đối với những loại hàng hóa áp dụng quy chế cấp giấy phép xuất nhập khẩu.

3. Các Bên ký kết tăng cường quản lý chất lượng hàng hóa trao đổi qua biên giới giữa các tỉnh trong CLV DTA, khuyến khích các phương thức hàng đổi hàng, đẩy mạnh xuất nhập khẩu và thương mại biên giới nhằm tăng cường trao đổi sản phẩm của các tỉnh trong CLV DTA.

Điều 8: Thanh toán và mua bán hàng hóa và dịch vụ

1. Mọi khoản thanh toán liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa cư dân địa phương/ thương nhân trong khu vực CLV DTA được thực hiện bằng đồng Riel Campuchia, Kíp Lào và Việt Nam đồng hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc phương tiện thanh toán khác được các Bên nhất trí phù hợp với các quy định về quản lý ngoại hối hiện hành của mỗi nước.

2. [Việc thanh toán mua bán hàng hóa và dịch vụ giữa các đối tác trong CLV DTA sẽ phải phù hợp với quy định hiện hành của mỗi Bên.

Điều 9: Mang tiền mặt qua biên giới

1. (Option 1) Người mang tiền mặt vượt quá số tiền cho phép theo quy định hiện hành của mỗi Bên sẽ phải xin phép cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên và khai báo với cơ quan có thẩm quyền tại cửa khẩu. Số tiền được phép mang qua biên giới được chỉ ra tại Phụ lục X của Hiệp định này căn cứ quy định hiện hành và bản sửa đổi (nếu có) của mỗi Bên. *(Đề xuất của Việt Nam và Lào ủng hộ)*

2. (option 2) Du khách được phép mang tiền mặt dưới dạng các ngoại tệ quy đổi hoặc đồng Riel Campuchia, đồng Kip Lào hoặc đồng Việt Nam qua biên giới khu vực Tam giác phát triển với số lượng dưới 10000\$ sẽ không phải khai báo. Trong trường hợp, du khách mang lượng tiền vượt quá 10000\$ sẽ phải khai báo với cơ quan hải quan tại cửa khẩu *(Đề xuất của Campuchia)*

3. Các Bên khuyến khích Ngân hàng thương mại hợp tác, xây dựng cơ chế thanh toán bằng đồng bản tệ và thiết lập thỏa thuận hợp tác về thanh toán biên mậu liên quan đến việc mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa các Bên.

Điều 10: Tạo thuận lợi cho phương tiện, hàng hóa và người qua lại biên giới trong khu vực CLV DTA

Các Bên sẽ tạo thuận lợi cho việc di chuyển của phương tiện, hàng hóa, và người tại cửa khẩu phù hợp với quy định hiện hành của mỗi Bên và các thỏa thuận song phương và đa phương liên quan mà mỗi Bên là thành viên, đặc biệt là đảm bảo phù hợp với các thỏa thuận của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ Campuchia, Lào và Việt Nam về vận tải đường bộ đã ký ngày 17/1/2013 tại Champasak, Lào.

Điều 11: Thương mại biên giới

1. Các Bên khuyến khích tạo điều kiện tốt để nâng cao đời sống của cư dân khu vực biên giới thông qua việc khuyến khích trao đổi hàng hóa, đề xuất các chính sách ưu đãi đối với hàng hóa sản xuất tại khu vực CLV DTA.

2. Các Bên nhất trí khuyến khích phát triển các chợ biên giới để xúc tiến và tạo thuận lợi thương mại giữa các bên.

3. Cư dân địa phương của khu vực Tam giác phát triển sẽ được phép mang hàng hóa qua biên giới và được miễn thuế và phí phù hợp với luật và quy định của mỗi nước.

Điều 12: Đầu tư

1. Các Bên khuyến khích các nhà đầu tư tiến hành đầu tư và khu vực Tam giác phát triển và hoạt động đầu tư sẽ được bảo hộ phù hợp với luật và quy định hiện hành của mỗi nước cũng như các thỏa thuận song phương và đa phương mà Campuchia, Lào và Việt Nam là các bên.

2. Các Bên sẽ đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư và trao đổi thông tin về cơ hội đầu tư trong khu vực Tam giác phát triển.

Điều 13: Thủ tục Hải quan, Kiểm dịch y tế, Động, Thực vật

1. Việc xuất nhập khẩu hàng hóa giữa các Bên ký kết được thực hiện thông qua cửa khẩu đã được các Bên nhất trí trong Phụ lục 1, sẽ được thực hiện và quản lý phù hợp với các Thỏa thuận và điều ước quốc tế mà các Bên cùng là thành viên.

Cá nhân tham gia hoạt động thương mại trong khu vực Tam giác phát triển khi xuất nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới phải tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành của mỗi nước

2. Các Bên Ký kết nhất trí đảm bảo thủ tục hải quan, kiểm dịch y tế, động, thực vật ổn định, minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại thông qua việc đẩy nhanh quá trình thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu trong khu vực CLV DTA phù hợp với quy định hiện hành của mỗi nước và thông lệ quốc tế.

3. Cơ quan Hải quan, Y tế và kiểm dịch động thực vật của các Bên ký kết phối hợp chặt chẽ và định kỳ rà soát để đơn giản hóa hơn nữa thủ tục hải quan, kiểm dịch y tế, động, thực vật hướng tới tạo thuận lợi trong trao đổi thương mại.

4. Các Bên ký kết nhất trí khuyến khích áp dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các thủ tục hải quan và cải tiến cơ sở vật chất kỹ thuật để kiểm tra hàng hóa qua biên giới.

5. Xét đến Bản ghi nhớ hướng tới việc thực hiện các chính sách ưu đãi đặc biệt cho khu vực Tam giác phát triển ký kết ngày 26 tháng 11 năm 2008 tại Viên Chăn, Lào và bản sửa đổi ngày 16 tháng 11 năm 2010 tại Pnom Penh, Campuchia, các Bên ký kết nhất trí rà soát giờ làm việc tại các cặp cửa khẩu để áp dụng thống nhất, tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu và xuất nhập cảnh.

Điều 14: Thủ tục hành chính

1. Các Bên khuyến khích các cơ quan chức năng đơn giản hóa các thủ tục hành chính tại cửa khẩu để tạo thuận lợi cho việc xuất nhập khẩu hàng hóa, quá cảnh hàng hóa và di chuyển của người và phương tiện.

2. Đối với những hoạt động tạo thuận lợi thương mại khác, các Bên sẽ thực hiện theo các quy định của Hiệp định về tạo thuận lợi thương mại trong WTO (WTO ATF) và các Hiệp định và thỏa thuận khác mà các nước Campuchia, Lào và Việt Nam là thành viên.

CHƯƠNG IV: HỢP TÁC KINH TẾ KỸ THUẬT

Điều 15: Phối hợp giữa các Cơ quan có thẩm quyền

Trong phạm vi chức năng, các Cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên chịu trách nhiệm hợp tác, trao đổi thông tin với các Bên còn lại để triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, tạo thuận lợi thương mại như đã nêu tại các Chương III, IV và V của Hiệp định.

Điều 16: Hợp tác kinh tế

1. Các Bên nhất trí khuyến khích liên kết sản xuất hàng hóa trong khu vực Tam giác phát triển để tận dụng lợi thế của thị trường các Bên hoặc thị trường các nước khác.

Điều 17: Hợp tác kỹ thuật

1. Các Bên nhất trí khuyến khích và thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực như phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ, nghiên cứu và phát triển, quản lý môi trường, du lịch và nông lâm thủy sản trong khu vực Tam giác phát triển.

2. Các Bên nhất trí rằng hợp tác kỹ thuật sẽ được thực hiện thông qua các chương trình giao lưu, trao đổi giữa các cơ sở giáo dục; hợp tác đào tạo, hội thảo, nghiên cứu và cung cấp chuyên gia lẫn nhau.

Điều 18: Hỗ trợ từ các tổ chức phát triển

Các Bên nhất trí cùng hợp tác, kêu gọi sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật từ các tổ chức phát triển để đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện các hoạt động xúc tiến và tạo thuận lợi thương mại trong khu vực Tam giác phát triển.

CHƯƠNG V: TỔ CHỨC THỂ CHẾ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 19: Ủy ban thực thi Hiệp định CLV DTA (Việt Nam đề xuất và đời Campuchia và Lào cân nhắc; xem xét)/ Đầu mối liên hệ Hiệp định CLV DTA (Lào đề xuất)

1. Các bên nhất trí thiết lập Ủy ban thực thi Hiệp định

2. Ủy ban thực thi Hiệp định gồm Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia, Bộ Công Thương nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Ủy ban thực thi có chức năng.

a. Theo dõi và giám sát việc thực thi Hiệp định này;

b. Đề xuất chương trình hoạt động cụ thể của Ủy ban vào mỗi năm cho năm tiếp theo;

- c. Xem xét và quyết định các vấn đề cụ thể liên quan đến việc thực thi Hiệp định này trong những trường hợp cần thiết và phù hợp;
 - d. nỗ lực tham vấn và giải quyết tranh chấp có thể phát sinh liên quan đến việc giải thích, thực thi hoặc áp dụng Hiệp định này;
 - e. Thực hiện các chức năng khác mà các Bên thỏa thuận
4. Các Bên nhất trí thành lập một nhóm công tác thường trực, bao gồm đại diện của các cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên.

Điều 20: Cơ chế vận hành của Ủy ban thực thi (Việt Nam đề xuất và đời Campuchia, Lào cân nhắc, xem xét)

1. Ủy ban thực thi Hiệp định sẽ họp thường xuyên hàng năm theo cơ chế họp ít nhất mỗi năm một (01) lần và tiến hành họp luân phiên tại mỗi nước theo từng năm trừ khi các bên có thỏa thuận khác.
2. Ủy ban sẽ triệu tập họp các phiên đặc biệt hoặc đột xuất trong vòng 30 ngày kể từ ngày có yêu cầu của một Bên.
3. Cuộc họp của Ủy ban có thể diễn ra trực tiếp giữa các Bên hoặc thông qua các phương tiện kỹ thuật, nếu được tất cả các Bên đồng ý.
4. Mọi quyết định của Ủy ban sẽ được tiến hành dựa trên nguyên tắc đồng thuận.
5. Ủy ban sẽ thống nhất ban hành các nguyên tắc và thủ tục của mình tại phiên họp đầu tiên.

Điều 21: Giải quyết tranh chấp

Các Bên sẽ tham vấn lẫn nhau khi cần thiết để đề xuất các biện pháp phù hợp nhằm giải quyết các vấn đề có thể nảy sinh trong quá trình thực hiện các Điều khoản của Hiệp định (*CPC đề xuất*)

- [1. Mọi tranh chấp giữa các Bên liên quan tới việc diễn giải và áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết trên cơ sở tham vấn lẫn nhau sẽ các Bên trong tranh chấp.
2. Mọi yêu cầu tham vấn sẽ được thực hiện bằng văn bản và được gửi thông qua kênh ngoại giao^{Laos}/đầu mối liên hệ của Ủy ban thực thi^{VN}, trong đó nêu rõ lý do tham vấn, bao gồm cả vấn đề tranh chấp, và chỉ ra cơ sở pháp lý và thực tế (bao gồm những điều khoản của những Hiệp định liên quan bị coi là đã vi phạm) của khiếu nại^{CPC đề xuất}.
3. Khi một Bên có yêu cầu tham vấn theo khoản 2, Bên kia phải trả lời yêu cầu và tiến hành tham vấn trong thời hạn ba mươi (30) ngày^{VN}/thời gian hợp lý^{LaosCPC} kể

từ ngày nhận được yêu cầu với mục tiêu đạt được giải pháp thỏa đáng kịp thời cho các Bên.] (VN đề xuất)

CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 22: Công khai thông tin

Các Bên sẽ thông báo các Bên còn lại về các quy định, biện pháp có liên quan có thể ảnh hưởng đến xúc tiến và tạo thuận lợi hóa thương mại phù hợp với quy định của Hiệp định này.

Điều 23: Ngoại lệ chung

1. Những điều khoản của Hiệp định này sẽ không hạn chế quyền của mỗi Bên ký kết đối với việc thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ y tế cộng đồng hoặc bảo vệ sức khỏe con người, động thực vật và môi trường.

2. Việc thực hiện Hiệp định này sẽ không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên ký kết theo các hiệp định hoặc Công ước quốc tế hiện hành mà các Bên ký kết đó tham gia.

3. Mỗi Bên ký kết có thể áp dụng việc đình chỉ tạm thời toàn bộ hoặc một phần của Hiệp định với hiệu lực tức thời trong các trường hợp khẩn cấp ảnh hưởng đến an ninh quốc gia. Bên ký kết áp dụng việc đình chỉ này sẽ khẩn trương thông báo tới các Bên ký kết khác việc đình chỉ và ~~bãi bỏ việc đình chỉ~~ sau khi tình hình trở lại bình thường (lời văn có thể tiếp tục được xem xét cho chặt chẽ tại phiên sau).

Bên áp dụng biện pháp này phải khẩn trương thông báo các Bên còn lại về việc đình chỉ. Sau khi tình huống trở lại bình thường, Bên áp dụng biện pháp này sẽ tiếp tục thực hiện các quy định của Hiệp định như đã thỏa thuận trước khi áp dụng đình chỉ. *(Đề xuất thay thế của CPC)*

Điều 24: Hiệu lực

1. Hiệp định này có hiệu lực sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bên ký kết sau cùng thông báo cho Bên kia bằng văn bản thông qua kênh ngoại giao rằng đã hoàn tất các thủ tục pháp lý trong nước để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định này sẽ vẫn có hiệu lực trừ khi được chấm dứt trên cơ sở sự đồng thuận bằng văn bản của các Bên.

3. Trong trường hợp một Bên quyết định rút khỏi Hiệp định này, sẽ phải thông báo cho các Bên bằng văn bản trước 6 tháng thông qua kênh ngoại giao và hai Bên còn lại có thể vẫn tiếp tục thực hiện Hiệp định này.

4. Trong trường hợp chấm dứt Hiệp định, tất cả các điều khoản của Hiệp định sẽ tiếp tục được áp dụng để hoàn thành các Hiệp định/thỏa thuận liên quan đã được ký trước khi kết thúc Hiệp định này.

Điều 25: Sửa đổi

Mọi sửa đổi đối với các quy định của Hiệp định này do một hoặc nhiều bên đề xuất sửa đổi sẽ có hiệu lực theo sự thỏa thuận bằng văn bản của các Bên ký kết.

Để làm chứng, những người ký tên dưới đây được Chính phủ mỗi bên ủy quyền đã ký vào bản Hiệp định này.

Làm tại ngày tháng năm 2016 thành ba (03) bản bằng tiếng Anh.

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ
HOÀNG GIA
CAMPUCHIA**

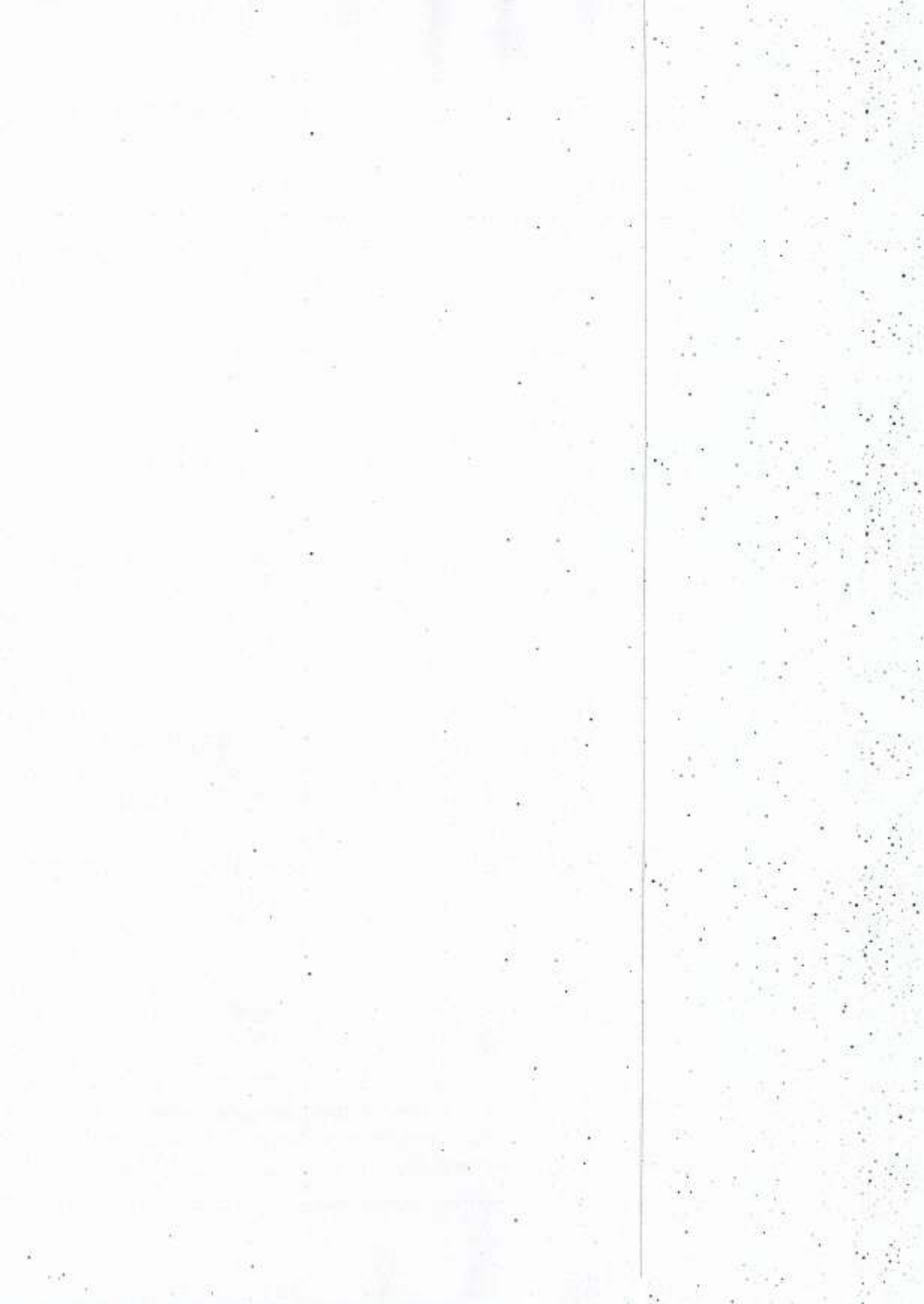
**THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CHDCND LÀO**

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CHXHCN VIỆT
NAM**

**PAN SORASAK
BỘ TRƯỞNG THƯƠNG
MẠI**

**KHEMMANI PHOLSENA
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG
THƯƠNG**

**TRẦN TUẤN ANH,
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG
THƯƠNG**



(Forth DRAFT)

**AGREEMENT ON TRADE PROMOTION AND FACILITATION FOR
CAMBODIA – LAO PDR – VIET NAM DEVELOPMENT TRIANGLE
AREA**

PREAMBLE

The Government of the Kingdom of Cambodia, the Government of the Lao People's Democratic Republic and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam (hereinafter collectively referred to as Parties or singularly as Party); (Accepted)

Desiring to reinforce and further expand the social economic and trade relations in the Cambodia-Lao PDR-Viet Nam Development Triangle Area (hereinafter referred as the CLV DTA); (Accepted)

Noting that the economic and trade development in the CLV DTA is one of the important strategies to promote economic, trade relations and friendship on the basis of equality and mutual benefits between the three countries. (Accepted)

Have agreed as follows:

**CHAPTER I
GENERAL PROVISIONS**

Article 1: Objectives

The Objectives of this Agreement are:

1. to enhance trade promotion activities in the CLV DTA;
2. to create business friendly environment for the CLV DTA;
3. to facilitate the trade flow, movement of people and transport among the Parties; and
4. to create favourable conditions for the stimulation of trade and investment flows. (Accepted)



Article 2: Scope of this Agreement

This Agreement shall apply:

1. to encourage trade promotion activities in the CLV DTA;
2. to facilitate trade activities in the CLV DTA through border check-points that have been agreed by the Parties, as in Annex 1. (Accepted)

Article 3: Definitions

In this Agreement, the abbreviation and terms are defined as follows:

1. CLV DTA refers to the Cambodia-Lao PDR-Viet Nam Development Triangle Area which includes 4 provinces of Cambodia namely Stung Treng, Rattanak Kiri, Mondul Kiri and Kratie, 4 provinces of Lao PDR namely Sekong, Attapeu, Saravan and Champasak, and 5 provinces of Viet Nam namely Kon Tum, Gia Lai, Dak Lak, Dak Nong and Binh Phuoc. (Accepted)
32. Trade promotion means activities in organizing trade fairs, exhibitions, missions for business matching, market survey and research. (Accepted)
34. Competent authority means the Government institutions/body of each Party that takes the responsibility for the management of trade and investment promotion and facilitation activities in the CLV DTA. (Accepted)

CHAPTER II TRADE PROMOTION

Article 4: Trade Promotion Policy

1. The Parties will give support to the funding and resources to organize/ co-organize trade promotion programs in the CLV DTA; (Accepted)
2. Competent authority of each Party will facilitate procedures for organizing trade promotion activities and for bringing in goods to participate in trade fairs and exhibitions. (Accepted)
3. ^{VN's proposal} [Goods originated from Cambodia, Lao PDR, and Viet Nam and temporarily imported for participation in fairs and exhibitions in the CLV DTA, which meet these conditions: (i) subjected to zero percent import duty under the ATIGA; and (ii) not included in the list of goods that are subjected to special

consumption tax; shall not be subjected to value added tax if they are traded or donated at fairs and exhibitions in CLV DTA.]

The goods remaining from fairs and exhibitions can be sold after fairs and exhibitions but subjected to tax payment according to the respective law and regulations of each country. **(Subjected to approval from government of each country)**

4. The Parties encourage their businesses to involve in trade promotion programs in the CLV DTA. (Accepted)

Article 5: Trade Fairs and Exhibitions

1. The Parties agreed to hold at least 01 international trade fair or exhibitions each year in the CLV DTA, hereafter referred as the CLV DTA Trade Fair.

(Accepted) CLV DTA Trade Fair will be held alternately in each Party. (Accepted)

2. Coordination mechanism and fund for organizations:

The Parties coordinate to co-organize trade fairs or other trade promotion activities. The Parties also agreed that the mobilization of fund to support trade promotion from donors should be taken into account.

3. The focal points for organizing annual international trade promotion activities in the CLV DTA are: Ministry of Commerce of Cambodia, the Ministry of Industry and Commerce of Lao PDR and the Ministry of Industry and Trade of Viet Nam. (Accepted)

4. The Parties agreed to support and create favourable conditions for the provinces in the CLV DTA to organize international trade fairs and exhibitions in the CLV DTA. (Accepted)

Article 6: Mission for Market Survey and Research, and Business Matching

The Parties encourage the organization of missions for market survey and research, and business matching in order to promote trade in the CLV DTA among the Parties. (Accepted)

CHAPTER III TRADE FACILITATION

Article 7: Trade in Goods

1. The Parties agreed to enhance the import-export activities in accordance with the respective laws and regulations of each country and international practices. (Accepted)
2. The Parties agreed to create favourable conditions for export and import licenses, in accordance with the respective laws and regulations of each country for commodities that need import and export licenses. (Accepted)
4. The Parties will strengthen the quality management of cross-bordered goods among provinces in the CLV DTA; encourage barter trade methods; promote imports, exports and border trade in order to enhance the exchange of goods among provinces in the CLV DTA. (Accepted)

Article 8: Payment for Purchasing Goods and Services

1. All payment and transaction related to the sale and purchase of goods and services among the local residents/ business persons in the CLV DTA shall be made in Cambodian Riel, Lao Kip and Vietnamese Dong or in freely convertible foreign currency or other means of payment to be mutually agreed upon by the business partners in accordance with the respective laws and regulations of each country. (Accepted)
2. Payment from the sales of goods and services among business partners in the CLV DTA shall be consistent with the respective current laws and regulations of each Party. (ACCEPTED)

Article 9: Carrying cash across borders

1. (OPTION 1) Persons who carry cash in excess of the permitted limit in accordance with the respective current laws and regulations of each Party shall seek permission from relevant authorities of each Party and declare to the competent authority at the border check-points. The amount of cash carried across the borders is indicated in ANNEX X ~~Viet Nam and Cambodia's~~ proposal of this Agreement based on the current laws and regulations and its amendments (if any) of the respective Parties. (Proposal of Viet Nam and support from Lao PDR)

(OPTION 2) Visitors are allowed to bring cash in convertible foreign currency or Cambodian Riel or Laos Kip or Vietnamese Dong across the borders between the CLV DTA of under US\$ 10,000 without declaration. In case, visitors are

carrying an amount over US\$ 10,000, they must declare to the custom office at the crossing border check point (*Cambodia's proposal*)

3. The Parties encourage their commercial banks to develop a payment mechanism in their currencies and establish a cooperation agreement on cross-border payment for trade in goods and services among the business partners. (Accepted)

Article 10: Facilitation for vehicles, goods and people enter and exit at the border check-points of the CLV DTA

The Parties shall facilitate the movement of vehicles, goods, and people at the border check-points in accordance with each Party's laws and regulations, relevant bilateral and multilateral treaties/agreements of which the Parties are members, especially ensuring compliance with provisions of the MOU between and among the Governments of Cambodia, Lao PDR and Viet Nam on road transport signed on January 17th 2013 in Champasak Province, Lao PDR. (ACCEPTED)

Article 11: Border Trade

1. The Parties are encouraged to provide good conditions to raise living standards of residents in border areas by encouraging the exchange of goods and proposing preferential policies for goods produced in the CLV DTA. (Accepted)

2. The Parties agreed to encourage the development of border markets to promote and facilitate trade among the Parties. (Accepted)

3. Local residents of the CLV DTA shall be allowed to carry goods which are free of duty and other taxes in accordance with respective laws and regulations of each country. (Accepted)

Article 12: Investment

1. The Parties shall encourage investors to invest in CLV DTA and the investment shall be protected in accordance with the respective laws and regulations of each Party as well as the bilateral and multilateral treaties to which Cambodia, Lao PDR and Viet Nam are the Parties. (Accepted)

2. The Parties should strengthen investment promotion activities and exchange of information on investment opportunities in the CLV DTA. (Accepted)

Article 13: Customs Procedures and Sanitary and Phyto-Sanitary (SPS) Measures

1. The import and export of goods among the Contracting Parties through border gates/border check-points as agreed in ANNEX 1 shall be conducted and governed in accordance with agreements and treaties of which the Parties are members. (ACCEPTED)

People engaging in trade activities in the CLV DTA shall comply with the laws and regulations of the Contracting Parties. (ACCEPTED)

2. The Contracting Parties agreed to ensure transparency and accountability in customs procedures and SPS measures to facilitate trade through accelerating the process of customs clearance for import and export activities in the CLV DTA in accordance with regulations of Contracting Parties and international practices.(ACCEPTED)

3. Customs and SPS competent authorities of the Parties shall closely coordinate and periodically review in order to further simplify customs procedures and SPS measures for trade facilitation. (ACCEPTED)

4. The Parties agreed to encourage the application of information technology in implementing customs procedures and upgrading the technical facilities to check the goods crossing borders. (ACCEPTED)

5. Taking into account the **Memorandum of Understanding towards the Formulation of Special Preferential Policies for the CLV Development Triangle Area**, which was signed on 26th November 2008 in Vientiane, Lao PDR and its amendment dated 16th November 2010 in Phnom Penh, Cambodia, the Parties agreed to review the working hours for each border gate pair to apply the same working hours in order to facilitate the import, export and immigration activities. (ACCEPTED)

Article 14: Administrative Procedures

1. The Parties encourage competent authorities to simplify the administrative procedures at the border check-points in order to facilitate imports and exports of goods, transit goods, movement of people and vehicles.(ACCEPTED)

1. With other trade facilitation activities, the Parties shall comply with the provisions in the Agreement on Trade Facilitation in the WTO (WTO ATF) and other agreements in which Cambodia, Lao PDR and Viet Nam are Parties.(ACCEPTED)

CHAPTER IV

ECONOMIC AND TECHNICAL COOPERATION

Article 15: Cooperation between Competent Authorities

The competent authority of each Party is responsible for cooperating and exchanging of information with the other Parties in order to conduct trade promotion and facilitation activities, which are aforementioned in Chapter II and III of this Agreement. [ACCEPTED]

Article 16: Economic Cooperation

The Parties agreed to encourage joint production of commodities in the CLV DTA with the aim of taking advantage of Parties' markets as well as other foreign markets. (ACCEPTED)

Article 17: Technical Cooperation

1. The Parties agreed to encourage and promote cooperation in the fields of human resource development, science and technology, research and development, environmental management, tourism and agriculture, forestry and fisheries in the CLV DTA. (ACCEPTED)

2. The Parties agreed that technical cooperation would be implemented through exchange programmes between educational institutions, cooperation in trainings, workshops, researches and providing experts to the other Parties. (ACCEPTED).

Article 18: Support from the Development Partners

The Parties agreed to cooperate in seeking financial resources and technical assistance from Development Partners in order to strengthen the implementation of trade promotion and facilitation activities in CLV DTA. (ACCEPTED)

CHAPTER V

INSTITUTIONAL ARRANGEMENT AND DISPUTE SETTLEMENT

Article 19: CLV DTA Implementing Committee (CLV JCC) (Viet Nam's proposal seeking consideration of Cambodia and Lao PDR)^{LAO} CLV DTA Focal Points

1. The Parties agreed to establish a CLV DTA Implementing Committee.
2. CLV DTA Implementing Committee comprises of Ministry of Commerce of Cambodia, Ministry of Industry and Commerce of Lao PDR, Ministry of Industry and Trade of Viet Nam.
3. The functions of the CLV DTA Implementing Committee shall be to:

- a. Review and supervise the implementation and operation of this Agreement.
 - b. Recommend an annual Action Plan of Implementing Committee;
 - c. Consider and adopt, where appropriate and when necessary, decisions on specific matters regarding the implementation of this Agreement.
 - d. Consult and recommend on dispute settlement arising from the explanation and implementation of this Agreement;
 - e. Carry out any other functions as the Parties may agree.
4. The Parties agreed to establish a permanent working group, which comprises of representatives from competent authorities of the Parties.

Article 20: Operation Mechanism of CLV DTA Implementing Committee (VN's proposal seeking the consideration of Cambodia and Lao PDR)

1. CLV DTA Implementing Committee will meet regularly at least once a year and shall convene alternately in Cambodia, Lao PDR and Viet Nam unless the Parties agree otherwise.
2. Special Meeting of CLV DTA Implementing Committee may be convened, as agreed by the Parties, within 30 days upon the request of a Party.
3. Meeting may occur in person, by technical supporters or through any other means as mutually determined by the Parties;
4. All the decisions made by CLV DTA Implementing Committee shall be mutually agreed by the Parties concerned.
5. The CLV DTA Implementing Committee shall establish its rules and procedures at its first meeting.

Article 21: Dispute Settlement

^{KH}Governments of the Parties shall consult each other when necessary to propose appropriate measures in order to ~~expand trade and economic relations in general, or~~ solve problems that may arise concerning the implementation the terms of this Agreement.

VN's Proposal (for consideration in the next round)

1. Any dispute arising from the interpretation or implementation of this Agreement shall be amicably settled through consultations among the concerned Parties. (ACCEPTED)
2. ~~All the~~ Any request for consultations/^{KH} should be done/^{LAO} shall be in writing and be conveyed through diplomatic channel/^{VN} focal points under CLV DTA Implementing Committee/Sub-Committee ^{KH proposes to delete} and shall give the reason for the request, including the disputed matters and an indication of the legal basis and practices for the complaint (including the provisions under relating agreements that are violated).
3. Upon request of another Party in accordance with paragraph 2, a Party shall give ~~positive and prompt~~ response; and shall enter into consultations

within a period of no more than 30 days/^{LAO+KH} reasonable time after the date of receipt of the request with the aim of reaching a mutually satisfactory solution for concerned Parties.

CHAPTER VI FINAL PROVISIONS

Article 22: Transparency

The Parties shall notify each other of regulations, measures, which may involve with or affect the promotion and facilitation of trade in accordance with the provisions of this Agreement. (ACCEPTED)

Article 23: General Exceptions

1. The provisions of this Agreement shall not restrict the rights of each Party to the implementation of measures to protect national security, public health, flora and fauna and the environment. (ACCEPTED)

2. The implementations of this Agreement shall not affect the rights and obligations of the Parties under the existing agreements or international conventions/ treaties of which the Parties are members. (ACCEPTED)

3. Each Party may temporarily suspend all or parts of the Agreement with immediate effect in the event of an emergency that may affect national security. The Party applying this suspension shall promptly notify other Parties of the suspension^{LAO} and the repeal of suspension after the situation returns to normal. (Further wording to be decided in the next round)

[KH's proposal] The Party, which has taken this measure shall promptly notify other Parties of the suspension. After the situation returns to normal, that Party should/shall continue to implement the provisions under this Agreement as the Party has done before the suspension.]

Article 24: Validity

1. This Agreement shall enter into force thirty (30) days after the date when the last Party notifies other Parties in writing through diplomatic channel that it has completed the internal procedures for the enforcement of the Agreement. (ACCEPTED)

2. This Agreement shall remain in force unless terminated by written mutual consent of the Parties upon 6 months by written notice to other Parties. (ACCEPTED)

3. In case one Party decides to withdraw from this Agreement, she shall notify other Parties in writing 6 months in advance through diplomatic channel and the other two Parties may continue to implement this Agreement. (ACCEPTED)
4. In case of termination of the Agreement, all articles shall continue applying to finish the other relevant agreements which were signed before the termination of the Agreement. (ACCEPTED)

Article 25: Amendment

Any amendment to the provisions of this Agreement proposed by one or more Parties shall take effect upon a written agreement of all Parties. (ACCEPTED)

To witness whereof, the undersigned is authorized by the Government of each Party to sign this Agreement.

Done at....., on 2016 in three (03) original copies in English.

**FOR THE GOVERNMENT
OF THE KINGDOM OF
CAMBODIA**

**FOR THE GOVERNMENT
OF THE LAO PEOPLE'S
DEMOCRATIC REPUBLIC**

**FOR THE
GOVERNMENT OF THE
SOCIALIST
REPUBLIC OF VIET
NAM**

**PAN SORASAK
MINISTER OF
COMMERCE**

**KHEMMANI PHOLSENA
MINISTER OF INDUSTRY
AND COMMERCE**

**TRAN TUAN ANH
MINISTER OF
INDUSTRY AND TRADE**

Annex 1: List of Border gate pairs

in Cambodia-Lao PDR-Viet Nam Development Triangle Area

1. International border gate pairs

No	Name of Border gate	Connectivity route	Name of Border gate
1	O YA Dao (Ratanakiri, Cambodia)	National route 78 - National Route 19	Le Thanh (Gia Lai, Viet Nam)
2	Trapeang Sre (Kratie, Cambodia)	National route 74 - National Route 13	Hoa Lu (Binh Phuoc, Viet Nam)
3	Bo Y (Kon Tum, Viet Nam)	Route 18 No gate to Cambodia	Phoukeua (Attapur, Lao PDR)
4	Trapeang kriel (Steung Treng, Cambodia)	National route 7 - National route 13	Nong Nokkhen (Champasak, Lao PDR)

2. Main border gate pairs

No	Name of Border gate	Connectivity route	Name of Border gate
1	CHIMEAT (Mondulkiri, Cambodia)	National route 3766	DAK RE (Viet Nam)
2	Nam Lea (Mondulkiri, Cambodia)	National route 3764	DAK BOR (Viet Nam)
3	DAK DAM (Mondulkiri, Cambodia)	National route 762	BOU PRANG (Viet Nam)
4	LAPAKHE (Mondulkiri, Cambodia)	National route 3760	HOANG DIER (Viet Nam)

3. Auxiliary Border gate Pairs

No	Name of Border gate	Connectivity route	Name of Border gate
1	CHEY KLANG (Kratie, Cambodia)	National route 76	TAN TIEN (Viet Nam)